

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2022/DS-PT

Ngày: 05-7-2022

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các thẩm phán:

Ông Võ Bảo Anh

Bà Võ Bích Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 97/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 134/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Tấn L**, sinh năm 1994. Trú tại: Số X, đường, khóm Y, phường Z, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Phạm T1**, sinh năm 1994. Trú tại: Số X1, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho bị đơn: ông **Đỗ Thanh T2**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: M, khu dân cư khu vực N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ – Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2022 (có mặt).

3. Người kháng cáo: ông Phạm T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông L trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Giữa ông và bị đơn ông T1 có hợp tác để giao dịch mua bán điện thoại, ông có đưa tiền

đặt cọc cho ông T1 tổng cộng 02 lần. Lần đầu ông đưa cho ông T1 số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 13-11-2020, ông T1 có ghi giấy vay tiền đưa ông để tạo niềm tin, sau ngày 15-11-2020 ông T1 đã giao điện thoại đầy đủ cho ông. Giao dịch lần 02 ngày 16-11-2020, ông đưa cọc cho ông T1 số tiền 400.000.000 đồng, ông T1 chỉ ghi giấy nhận tiền 400.000.000 đồng, chụp hình gửi qua điện thoại cho ông, ông không có giữ bản chính giấy ghi 400.000.000 đồng, giao dịch lần 02 ông T1 chỉ giao điện thoại cho ông tương đương số tiền 100.000.000 đồng, ông T1 còn nợ lại 300.000.000 đồng đến nay chưa giao điện thoại cho ông. Tổng số tiền ông đặt cọc 02 lần cho ông T1 là 700.000.000 đồng, ông T1 đã giao điện thoại cho ông tương đương số tiền 400.000.000 đồng, ông T1 còn nợ lại ông 300.000.000 đồng. Ông yêu cầu ông T1 trả lại cho ông số tiền 300.000.000 đồng.

*Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến: Giữa ông và ông Trần Tấn L có hùn tiền để mua điện thoại, số tiền ông L hùn là 300.000.000 đồng và ông có viết giấy tay vay tiền để tạo niềm tin cho ông L. Ngày 16-11-2020 ông đã giao điện thoại cho ông L và kết thúc cuộc giao dịch, ông L có đưa cho ông giấy vay tiền ngày 13-11-2020 (bản photo) để ông đốt bỏ, ông L không đưa bản chính. Giấy vay tiền ông L cung cấp không còn hiệu lực, ông không đồng ý trả cho ông L số tiền 300.000.000 đồng. Các bên giao dịch làm ăn thì cùng chịu rủi ro, ông đã chuyển tiền cho bên người thứ ba là bà Huỳnh Thị Huệ A nhưng Huệ A không giao điện thoại cho ông nên hai bên cùng phải có trách nhiệm tìm người thứ ba để yêu cầu họ giao điện thoại. Ông không đồng ý trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho ông L vì theo giấy vay tiền ngày 13-11-2020 ông đã giao điện thoại cho ông L và kết thúc giao dịch. Đối với giấy vay tiền số tiền 400.000.000 đồng (không ghi ngày tháng năm) do nguyên đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử, ông thừa nhận do chính ông là người viết và ký tên nhưng ông không thừa nhận có nhận số tiền 400.000.000 đồng của nguyên đơn theo giấy vay tiền này. Ông không đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn tổng hai lần giao dịch là 700.000.000 đồng và đòi ông trả lại 300.000.000 đồng do ông còn thiếu. Đây là tranh chấp liên quan đến giấy vay tiền ngày 13-11-2020, không liên quan đến số tiền 400.000.000 đồng. Nếu nguyên đơn kiện yêu cầu liên quan đến số tiền 400.000.000 đồng thì nguyên đơn nộp đơn khởi kiện vụ án khác.

*Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại bản án sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tấn L đối với bị đơn ông Phạm T1.

Buộc ông Phạm T1 có trách nhiệm trả cho ông Trần Tấn L số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Ngày 31 tháng 03 năm 2022, bị đơn ông T1 kháng cáo với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

-Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

-Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng, giữa nguyên đơn có giao dịch mua bán điện thoại, bị đơn cũng xác định hai lần giao dịch, đối với giao dịch sau 400.000.000 đồng, bị đơn cũng thừa nhận đã giao cho nguyên đơn điện thoại trị giá 100.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng giao cho người khác để nhận điện thoại nhưng người ta không giao, bị đơn phải có nghĩa vụ với nguyên đơn vì giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận với nhau, nên bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền trên khi chưa giao đủ điện thoại, vì vậy, kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn, qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay xác định: giữa nguyên đơn

và bị đơn có xác lập giao dịch mua bán điện thoại với nhau, các bên không lập hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng. Theo đó, khi mua thì nguyên đơn cọc tiền cho bị đơn, cả hai xác định giấy vay tiền chính là tiền cọc nguyên đơn đưa cho bị đơn để giao điện thoại, cụ thể: ngày 13/11/2020, nguyên đơn giao cho bị đơn số tiền 300.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận có và cả hai thống nhất đã hoàn thành giao dịch ngày 13/11/2020. Lần thứ 2 vào ngày 16/11/2020, nguyên đơn có giao cho bị đơn 400.000.000 đồng để mua điện thoại, bị đơn viết giấy bản chính và chụp gửi qua điện thoại cho nguyên đơn nên nguyên đơn không giữ bản chính, tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn khai đã nhận 400.000.000 đồng này của nguyên đơn, nhưng chỉ giao được điện thoại tương đương giá trị 100.000.000 đồng (bút lục 70), còn 300.000.000 đồng bị đơn giao cho người khác nhưng chưa giao điện thoại cho bị đơn để bị đơn giao cho nguyên đơn vì làm ăn với nhau nên cùng gánh chịu hậu quả và phải kiện bị đơn thành vụ kiện khác không phải trong vụ án này. Thấy rằng, lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận, nguyên đơn chỉ biết giao tiền cho bị đơn để nhận máy, còn việc bị đơn chuyển cho ai thì tự chịu trách nhiệm, bị đơn không giao đủ hàng cho nguyên đơn thì có trách nhiệm trả lại, chính bị đơn cũng thừa nhận còn nợ nên việc đòi giải quyết thành vụ kiện khác là không có cơ sở. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn đòi bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định nên cần giữ nguyên bản án.

[3] Về phần án phí:

[3.1] Sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu án phí.

[3.2] Phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử: - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm T1.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm T1 có nghĩa vụ trả cho ông Trần Tấn L số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông T1 phải chịu 15.000.000 đồng.

- Nguyên đơn được nhận lại 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001467 ngày 13/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông T1 phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001908 ngày 05/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Chi Cục THADS quận Ninh Kiều;
- TAND quận Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Thị Phương Thanh